

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hùng
bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Mỹ L - sinh năm 1995.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn X - xã DX - huyện DK - Khánh Hòa.

Chỗ ở: thôn K - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* anh Võ Hùng T - sinh năm 1991.

Trú tại: thôn X - xã DX - huyện DK - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2017, bản tự khai và biên bản đối chất ngày 19/6/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: năm 2015, chị và anh Võ Hùng T tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DX - huyện DK - Khánh Hòa. Quá trình chung sống, anh T chỉ biết tiền và con, không xem vợ ra gì, khi mua đất thì một mình đứng tên, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, không lễ phép với cha mẹ vợ, có những lời lẽ xúc phạm đến cha mẹ vợ. Sau khi chị đưa đơn ly hôn thì anh T thường xuyên nhắn tin,

gọi điện thoại hăm dọa chị và gia đình chị. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị xin được ly hôn với anh T. Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung Võ Nguyễn Hoàng Thảo N - sinh ngày 05/02/2016. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: nợ của bà Bùi Thị Y (trú tại: thôn X - xã DX - huyện DK) 35.000.000đ, nợ của bà Bùi Thị M (trú tại: thôn X - xã DX - huyện DK) 5.000.000đ. Nếu bà Y và bà M đòi, chị sẽ trả $\frac{1}{2}$ số nợ nói trên cho 02 bà.

Bản tự khai ngày 16/6/2017, biên bản đối chất ngày 19/6/2017, bị đơn anh Võ Hùng T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Mỹ L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DX. Quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra xích mích, anh chỉ đánh một lần ở nhà mẹ vợ. Nếu chị L nhất định xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: anh và Chị L có 01 con chung là Võ Nguyễn Hoàng Thảo Ngân - sinh ngày 05/02/2016. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung vì có thu nhập ổn định bằng nghề cắt tóc khoảng 4.000.000đ - 5.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: vợ chồng anh trong thời gian sống chung có tạo dựng được 01 lô đất với diện tích khoảng 100m², anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: vợ chồng anh có nợ của mẹ anh là bà Bùi Thị Y (trú tại: thôn X - xã DX - huyện DK) 35.000.000đ, nợ của dì anh là bà Bùi Thị M (trú tại: thôn X - xã DX - huyện DK) 5.000.000đ. Nếu bà Y, bà M đòi thì anh sẽ trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T; Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: nợ của bà Y 35.000.000đ, nợ của bà M 5.000.000đ. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn; Nếu ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nếu chị L nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: nợ của bà Y 35.000.000đ, nợ của bà M 5.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và được Ủy ban nhân dân xã DX - huyện DK - Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 11/6/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh T không biết tôn trọng vợ, thường xuyên la mắng và xỉ nhục vợ cũng như gia đình nhà vợ, có lần anh T còn đánh chị. Anh T thì cho rằng anh chỉ đánh vợ 01 lần, việc anh la mắng vợ hay xỉ nhục vợ đều xuất phát từ việc chị L nói nhiều và hay càm ràm. Có việc anh chửi cha mẹ vợ nhưng vì cha mẹ vợ chửi anh nên anh mới chửi lại. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con anh phải xa cha xa mẹ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh

chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Nguyễn Hoàng Thảo N - sinh ngày 05/02/2016 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị L nuôi con thì anh T sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu N hiện nay chưa được 36 tháng tuổi và là con gái nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, do đó nên giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị L.

Tài sản chung: chị L, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị L, anh T đều xác định nợ của bà Bùi Thị Y 35.000.000đ, nợ của bà Bùi Thị M 5.000.000đ. Tòa án đã triệu tập bà Y, bà M hỏi về số nợ mà chị L, anh T xác định, cả bà Y, bà M đều thừa nhận đúng như anh T, chị L đã nêu. Bà M không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà Y yêu cầu chị L, anh T phải trả cho bà số nợ này. Tòa án tổng đạt cho bà Y thông báo nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, hết thời hạn quy định phải nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà Y đã không nộp. Do đó, đối với số nợ của bà Y, bà M, Hội đồng xét xử sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này 02 bà có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: chị L nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T nộp án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Hùng T.

Con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Hoàng Thảo N - sinh ngày 05/02/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 9/2017.

Anh T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị L, anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: chị L, anh T nợ của bà Bùi Thị Y 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), nợ của bà Bùi Thị M 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. **Về án phí:** chị Nguyễn Thị Mỹ L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018150 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Võ Hùng T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND xã DX (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Phương